

Số: 28 /BC-CCHC

Thanh Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2019

Thực hiện Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của UBND huyện Thanh Trị.

UBND huyện Thanh Trị Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I/2019 trên địa bàn huyện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

UBND huyện đã tổ chức hội nghị Tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2018 và triển khai Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 24/01/2019 về việc thực hiện cải cách hành chính (CCHC) năm 2019, xác định đầy đủ các nhiệm vụ theo các lĩnh vực CCHC trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2016-2020. Trong đó, chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện tốt trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC và phân công nhiệm vụ cụ thể cho công chức phụ trách công tác CCHC tại ban, phòng, ngành huyện và tại các Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện - xã, thị trấn.

UBND huyện chỉ đạo Tổ công tác thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính các xã, thị trấn triển khai chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tại 100% các xã, thị trấn theo tiêu chí xây dựng. Đồng thời ban hành Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 03/01/2019 về kết quả chấm điểm chỉ số CCHC cấp xã và Quyết định số 44/QĐ-CT-UBND ngày 25/01/2019 về phê duyệt kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 cấp xã. Kết quả có 2 đơn vị giỏi, 7 đơn vị đạt loại tốt và 1 đơn vị đạt loại khá. Bên cạnh đó Tổ công tác cũng đã tiến hành chấm điểm chỉ số CCHC cấp huyện, cung cấp tài liệu kiểm chứng gửi về tỉnh theo thời gian quy định.

Ban hành Kế hoạch về việc phát động phong trào thi đua năm 2019, Trong đó, Phong trào thi đua trong lĩnh vực CCHC với hình thức khen thưởng tặng giấy khen UBND huyện cho những tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào.

* *Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 02/Tr-UBND* ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2014 về đẩy mạnh cải cách hành chính; Chương trình hành động số 21-Ctr/HU ngày

30/7/2014 của Huyện ủy Thanh Trì về đẩy mạnh cải cách hành chính và Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 30/3/2015 của UBND huyện về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2015 - 2020. Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Công tác chỉ đạo được UBND huyện, các ban, phòng, ngành và các xã, thị trấn quan tâm thực hiện với tinh thần chủ động. Các chương trình, kế hoạch thực hiện được xây dựng trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và được triển khai, quán triệt trong cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến xã, thị trấn. Nhìn chung, tinh thần, thái độ làm việc, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, đơn vị; hiệu quả chất lượng phục vụ nhân dân trong giải quyết các thủ tục hành chính được nâng lên góp phần thúc đẩy công tác cải cách hành chính của huyện. Song song đó, chỉ đạo các ban, phòng ngành cấp huyện, các xã, thị trấn thường xuyên rà soát, bổ sung vào kế hoạch hàng năm, giai đoạn để nâng cao chất lượng cải cách hành chính; gắn kết chặt chẽ giữa thực hiện cải cách hành chính với thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo đạt mục tiêu kế hoạch năm 2019 đề ra.

2. Cải cách thể chế:

UBND huyện thẩm định 01 dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn huyện.

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15/01/2019 về kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2019 và Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2019.

Hướng dẫn đơn đốc thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn huyện Thanh Trì.

Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 27/12/2018 về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2018; ban hành Quyết định số 04/QĐ-CT.UBND ngày 07/01/2018 về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực năm 2018 và Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 04/01/2019 về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Thanh Trì.

3. Cải cách thủ tục hành chính:

Ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2019;

Ban hành Công văn số 39/UBND-VP ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc tiếp nhận thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Sóc Trăng. Qua đó, chỉ đạo Thủ trưởng các Ban, phòng ngành huyện, Trưởng Đài truyền thanh huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thông tin, truyền truyền phổ biến sâu rộng Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện được biết và thực hiện khi có nhu cầu.

4. Cải cách tổ chức bộ máy:

Triển khai Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch

công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Báo cáo danh sách kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập năm 2018: Có 206 người thuộc diện kê khai; qua công khai có 94 người công khai theo hình thức niêm yết, 111 người công khai theo hình thức cuộc họp, 01 người không thực hiện kê khai do nghỉ việc theo Đề án 108 (thuộc 29 đơn vị HC-SN huyện và các xã, thị trấn).

Báo cáo kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã năm 2018 có 1.820/1.825 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức hiện có mặt được đánh giá, phân loại (chưa đánh giá, phân loại 05 trường hợp).

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Tình hình thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:

Về cơ cấu công chức, viên chức đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng hoạt động của từng chức danh cụ thể, rõ ràng hơn, tránh sự chồng chéo trong quản lý của từng chức danh, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cán bộ, công chức, viên chức nhận thức rõ hơn về vai trò trách nhiệm của từng chức danh đảm trách, từ đó dẫn đến hiệu quả trong quản lý và điều hành, xử lý công việc của từng chức danh chuyên sâu hơn.

6. Cải cách tài chính công:

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, các đơn vị đều có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ dựa trên các định mức, chế độ quy định của cấp có thẩm quyền, trong quá trình thực hiện Thủ trưởng các đơn vị đảm bảo đáp ứng được nhu cầu hoạt động và tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

Về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP cho 01 đơn vị Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, hiện có 08 đơn vị sự nghiệp đang thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Riêng Sự nghiệp giáo dục có 43 trường trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo được giao quyền tự chủ. Các đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, mức chi tiêu trong quy chế dựa vào định mức, chế độ quy định của nhà nước hoặc xây dựng thấp hơn tùy theo tình hình, nhiệm vụ của cơ quan, trong quy chế cũng thực hiện theo mức khoán.

7. Hiện đại hóa nền hành chính:

Các cơ quan cấp huyện thường xuyên ứng dụng, khai thác mạng LAN trong công tác quản lý hồ sơ, văn bản và mạng Internet trong tra cứu thông tin phục vụ quản lý điều hành; khai thác Cổng thông tin điện tử của huyện để cập nhật các văn bản mới phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành.

8. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được giữ vững, đáp ứng nhu cầu của dân khi đến liên hệ làm việc, đảm bảo đúng quy trình và thời gian giải quyết công việc.

Việc thực hiện chế độ phụ cấp, các chế độ đãi ngộ khác đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp tục được quan tâm thực hiện đầy đủ.

Tình hình làm việc ngày thứ bảy hàng tuần: Ủy ban nhân dân huyện đã có sự quan tâm, chỉ đạo, chủ động triển khai công tác làm việc ngày thứ bảy. Trên cơ sở bám sát văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị liên quan như Đài truyền thanh, các cơ quan ban ngành, các ngành đoàn thể tích cực tuyên truyền về ngày làm việc thứ bảy. Hiện nay công tác tổ chức làm việc ngày thứ bảy của Một cửa tại huyện và 10/10 xã, thị trấn đang vận hành khá tốt, người dân đã biết và đến liên hệ giải quyết công việc với cơ quan nhà nước vào ngày này. Tuy nhiên giải quyết các hồ sơ chủ yếu chứng thực, tiếp nhận các hồ sơ, sắp xếp các hồ sơ lại cho ngăn nắp; do đặc thù công việc, trình độ chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công chức không giống nhau, nên không thể bố trí cán bộ làm việc luân phiên và nghỉ bù theo qui định, kinh phí để chi trả lương cho cán bộ, công chức cũng như các chi phí khác để tổ chức làm việc vào các ngày thứ bảy hàng tuần là rất khó khăn, các xã, thị trấn phải chi từ nguồn kinh phí giao trong dự toán đầu năm của huyện.

9. Về công tác tuyên truyền về cải cách hành chính:

Công tác tuyên truyền CCHC tiếp tục được triển khai kịp thời và hiệu quả; chất lượng các tin, bài về cải cách hành chính được nâng cao như việc thông báo trực tiếp, công khai các thủ tục hành chính theo quy định. UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn phối hợp các ngành đoàn thể tuyên truyền thông qua bằng nhiều hình thức ở cơ sở như: Triển khai lồng ghép các cuộc họp nhóm của chi, tổ hội, các câu lạc bộ sinh hoạt định kỳ tháng, quý ra đến tận quần chúng nhân dân nắm bắt kịp thời các nội dung về CCHC, cải cách TTHC.

10. Tình hình kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị 26/CT- TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND, ngày 28/12/2012

Thời gian qua, việc thực hiện Chỉ thị 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng tiếp tục được quan tâm, từ đó kỷ cương, kỷ luật hành chính được nâng cao, từng bước cải thiện chất lượng công vụ, kịp thời biểu dương, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt. Đa số cán bộ, công chức, viên chức đã chấp hành nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ.

Căn cứ vào các văn bản của pháp luật và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã tổ chức triển khai thực hiện tốt việc

chuyển đổi vị trí việc làm, việc chỉ trả chế độ tiền lương, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức kịp thời, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, việc tinh giảm biên chế được thực hiện đảm bảo theo nguyên tắc, trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công vụ huyện Thanh Trì và ban hành Quy chế hoạt động của Đoàn kiểm tra công vụ huyện Thanh Trì. Qua triển kiểm tra 02 đơn vị, nhìn chung tinh thần trách nhiệm Thủ trưởng của từng đơn vị tiếp tục được nâng cao, có biện pháp tự kiểm tra, quản lý giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc tại đơn vị, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, từng bước tạo sự chuyển biến rõ nét, nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của chính quyền các cấp với nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và của Nhà nước góp phần xây dựng trật tự, kỷ cương trên địa bàn huyện.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ:

Công tác thực hiện cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính cấp huyện và xã, thị trấn tiếp tục được củng cố, giữ vững và có chuyển biến tích cực, công tác tiếp nhận, xử lý thông tin, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực từng ngành đảm trách được phối hợp đồng bộ và giải quyết kịp thời. Tác phong công sở, lề lối làm việc đi vào nề nếp, công tác tiếp dân được quan tâm đối với một số ngành liên quan trực tiếp đến người dân. Cải cách thủ tục hành chính tại Bộ phận “Một cửa, Một cửa liên thông” được quan tâm xây dựng, đảm bảo chỗ ngồi làm việc, nơi công dân ngồi chờ, thủ tục hành chính được niêm yết công khai đúng quy định; việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ hành chính có sự chủ động phối hợp liên thông chặt chẽ giữa các ngành chuyên môn, đảm bảo quy trình về thời gian theo quy định giữa cấp huyện và xã, thị trấn; đội ngũ cán bộ, công chức có bước tiến bộ về nhận thức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI:

Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả chấm điểm chỉ số CCHC cấp xã, khen thưởng và triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chí thành phần năm 2019 đối với các xã, thị trấn.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, trong đó lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự nghiệp phục vụ của cơ quan, đơn vị làm thước đo chất lượng và hiệu quả CCHC. Quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành để xây dựng bộ máy hành chính nhà nước liêm chính, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân.

Phát huy vai trò Người đứng đầu đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, ban hành và triển khai đầy đủ nội dung CCHC theo tiến độ đề ra, thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC được UBND huyện giao, đẩy mạnh tuyên truyền CCHC, nhất là thủ tục

hành chính đến toàn thể người dân trong huyện, gắn công tác thi đua, khen thưởng với kết quả thực hiện công tác CCHC.

Tăng cường rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực từng ngành phụ trách theo quy định, trong phạm vi thẩm quyền.

Đẩy mạnh công tác kiểm soát, rà soát TTHC, đảm bảo tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các ban, phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Thực hiện niêm yết công khai TTHC theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Tiếp tục nâng cao chất lượng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2015, mô hình “Một cửa” điện tử, tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử và văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

Thực hiện thanh tra, giám sát việc thực hiện chế độ công vụ và thanh tra công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính – sự nghiệp trực thuộc, nhằm kịp thời uốn nắn, xử lý những vi phạm trong quá trình thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Chương trình cải cách hành chính năm 2019. Tổ chức Hội thi tuyên truyền cải cách hành chính cấp huyện

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I/2019 trên địa bàn huyện Thạnh Trị.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng;
- TT. UBND huyện;
- Các ban, phòng, ngành huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Ngon

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 11/BC- UBND ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)



Biểu mẫu 1B

Phong kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	0	0	0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật, và điều kiện đầu tư kinh doanh...)	0	0	0	0	0

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 28/BC- UBND ngày 26 tháng 07 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Biểu mẫu 2B
Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND	1	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	1	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	1	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	1	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	0	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
3	Rà soát VBQPPL	0	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	0	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát		
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 2.1./BC- UBND ngày 16. tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	có	Kế hoạch số 10 ngày 18/1/2018
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	267	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	267	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 2/BC-UBND ngày 2.6 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Biểu mẫu 4B

Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Thạnh Trị

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
I	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện									
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	3				3				3493/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại									
	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại									

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 16. tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Tham gia thực hiện					
Cấp đối giấy chứng nhận kinh tế hàng hải					
Tổng cộng	3				3

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Biểu mẫu 5B

Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁴	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁵	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện										
I	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh HTX										
1	Thủ tục hành chính: cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã	0			0	0					
2	Thủ tục hành chính: thông báo thay đổi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã	0			0	0					
II	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể										

⁴ Nếu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁵ Nếu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số XX/BC- UBND ngày xx tháng xx năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

	19	19	19	19	19	19
1	Thủ tục hành chính: cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kd cá thể	16				
2	Thủ tục hành chính: thống báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể	16	16			
3	Cấp lại giấy phép ĐK kinh doanh đối với hộ KD cá thể	1	1	1		
III	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
1	Cấp GPKD thuốc lá lẻ	0	0	0		
2	Cấp GPKD lẻ rượu	0	0	0		
IV	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử					
1	Cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động diêm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	0	0	0		
V	Lĩnh vực thủy nội địa					
1	Cấp giấy chứng nhận ĐK phương tiện thủy nội địa	0	0	0		
VI	Lĩnh vực hành chính tư pháp					
1	Chứng thực bản sao từ bản chính	60	60	60		
2	Chứng thực chữ ký	0	0	0		
3	Chứng thực chữ ký của người dịch	0	0	0		
4	ĐK giấy khai sinh	1	1	1		
5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	10	10	10		
6	Đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính trong giấy khai sinh	65	65	65		
7	Đăng ký kết hôn	4	4	4		
8	Ghi chú kết hôn	2	2	2		

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 28/BC- UBND ngày 28. tháng 02 năm 2014 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

9	Ghi chú ly hôn	0				0	0			
10	ĐK nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	0				0	0			
VII	Lĩnh vực xây dựng									
1	Cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở	8				8	8			
2	Điều chỉnh, gia hạn, giấy phép xây dựng công trình nhà ở	1				1	1			
3	Quy hoạch giấy phép xây dựng	0				0	0			
VIII	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	9				9	9			
X	Lĩnh vực môi trường									
1	Kế hoạch bảo vệ môi trường	15				15	15			
2	Đề án bảo vệ môi trường	1				1	1			
XI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng									
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh	0				0	0			
XIII	Lĩnh vực địa chính									
1	Thừa kế, Cho tặng, chuyển nhượng	422				422	422			
2	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	31				31	31			
3	Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	60				60	60			
4	Đăng ký tách, nhập thửa	10				10	10			
5	Trả đất	0				0	0			
6	Chuyển đổi quyền sử dụng đất	0				0	0			
7	Hợp thức hóa quyền sử dụng đất	42				42	42			
8	Chuyển mục đích sử dụng đất	15				15	15			
Tổng số		792				792	792			

PHỤ LỤC 2



Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số XX/BC-UBND ngày XX. tháng XX. năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

Biểu mẫu 6B

Thông kê số hiệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc			Số lượng lãnh đạo cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bộ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁷	Tổng số	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bộ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁸	Tổng số	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
II	UBND cấp huyện	12	0	3	0			32	1			87	0		8	7	
III	UBND cấp xã ¹¹							26	2						4	4	
Tổng số = (I) + (II)		12	0	3	0			58	3	2		87	0		12	11	

⁶ Nếu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

⁷ Thông kê chỉ tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

⁸ Thông kê chỉ tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

⁹ Nếu rõ thiếu chuẩn nào

¹⁰ Nếu rõ thiếu chuẩn nào

¹¹ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số XX/BC-UBND ngày 22. tháng 02. năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

Biểu mẫu 7B

Thống kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹² CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyên đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác	Năng lực theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyển môn		Đào tạo ¹⁴	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁵	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹⁶	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹⁷			
I	UBND cấp huyện	87		87						có	40	0	0	0	0	8	TX ¹⁸ TH ¹⁹
II	UBND cấp xã ²⁰	991	0	377						0	0	0	0	0	0	24	

¹² Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹³ Thống kê chi tiết tại đây

¹⁴ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁵ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹⁶ Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CBCCVC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹⁷ Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

¹⁸ Thường xuyên

¹⁹ Trước hạn

²⁰ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 26. tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Biểu mẫu 8B

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	48	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	Ban QL DA Đầu tư xây dựng khu vực huyện
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	Ban QL DA Đầu tư xây dựng khu vực huyện
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	Ban QL DA Đầu tư xây dựng khu vực huyện

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 28/BC- UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	20/20	0	Ghi rõ số đơn vị đã triển khai/tổng số đơn vị
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	8/8	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	02	0	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên; Đội quản lý, duy tu sửa chữa các công trình giao thông.
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	02	0	Cở sở cung ứng cá lúa giống; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	04	0	Đài truyền thanh; Trung tâm Bồi dưỡng chính trị; Trung tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao; sự nghiệp giáo dục và đào tạo có 43 trường trực thuộc phòng Giáo dục và Đào huyện



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 18/BC- UBND ngày 22.6.2019 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại UBND cấp huyện và các xã, thị trấn

		Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn		Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú
		Trong đó		Hồ sơ đã tiếp nhận			Hồ sơ đã tiếp nhận			
STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số văn bản đi	Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Tổng số TTHC đã cung cấp	Tổng số TTHC đã cung cấp	Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh									
II	UBND cấp huyện	537	242	295	934	934	934	934	-	-
III	UBND cấp xã	965	949	16	-	-	-	-	-	-
Tổng số=(I)+(II)+(III)		1.502	1.191	311	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 2.2/BC- UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)
Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại UBND cấp huyện và các xã, thị trấn

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Trong đó			Tổng số văn bản đi	Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
		Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử			Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Cơ quan cấp tỉnh													
II	UBND cấp huyện	537	242	295		934	934	934	-	-	-	-	-	
III	UBND cấp xã ¹	965	949	16		-	-	-	-	-	-	-	-	
1	TT.Phú Lộc		124	9		-	-	-	-	-	-	-	-	
2	TT.Hưng Lợi		112	0		-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Thạnh Trị		87	6		-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Thạnh Tân		94	1		-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Lâm Tân		82	0		-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Lâm Kiệt		73	0		-	-	-	-	-	-	-	-	

Trần Đức
Châu Hưng
Vĩnh Lợi

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

7	Tuần Lộc	93	0	-	-	-	-	-	-
8	Châu Hưng	119	0	-	-	-	-	-	-
9	Vĩnh Lợi	86	0	-	-	-	-	-	-
10	Vĩnh Thành	79	0	-	-	-	-	-	-
Tổng = (I) + (II) + (III)		1.191	311	-	-	-	-	-	-

¹ UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 28./BC- UBND ngày 26 tháng 09 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thạnh Trị)

Biểu mẫu 13B

Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	10	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	10	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Đã ban hành bộ tài liệu áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 17/9/2018
2	Thực hiện đánh giá nội bộ		
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng		
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	có	Đã xây dựng hoàn thành bộ tài liệu ISO quy trình giải quyết TTHC cấp huyện
5	Nội dung khác		

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 24../BC- UBND ngày 22.6. tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì)

Biểu mẫu 14

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ²²
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ²³			
I	Cấp huyện	0	0	0	0	0	
II	Cấp xã ²⁴	0	0	0	0	0	

²² Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

²³ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

²⁴ Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn